

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh cảnh sát môi trường số 10/2014/UBTVQH13 ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;



[Handwritten signature]

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm tại Tờ trình số: 306/TTr-BQLATTP ngày 04 tháng 4 năm 2022 và kết quả lấy ý kiến của các thành viên UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm:

a) Tuân thủ các quy định tại khoản 5, khoản 8, khoản 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ.

b) Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên: đối với cấp thành phố thì do Ban Quản lý An toàn thực phẩm quản lý, đối với cấp quận, huyện thì do UBND quận, huyện quản lý.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trên địa bàn thành phố theo phân cấp của Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương giao cho UBND thành phố, Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 7231/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng.

2. Quản lý: siêu thị, trung tâm thương mại; chợ đầu mối nông sản; chợ đầu mối thủy sản; chợ đầu giá nông sản, thủy sản; chợ do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng thuộc cấp thành phố quản lý; doanh nghiệp kinh doanh, quản lý chợ; cơ sở chuyên doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; cửa hàng



tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối và các loại hình kinh doanh khác theo phân cấp của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

“a) Cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã bao gồm: chế biến suất ăn sẵn; nhà hàng ăn uống; nhà hàng ăn uống trong cơ sở lưu trú du lịch; cửa hàng ăn uống; cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín.

b) Bếp ăn tập thể trong khu công nghệ cao, các khu công nghiệp, chế xuất, (không kể số lượng suất ăn) và ngoài khu công nghệ cao, các khu công nghiệp, chế xuất có quy mô từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 4 như sau:

“a) Cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

b) Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của pháp luật.”

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.”

g) Bổ sung khoản 10 vào Điều 4 như sau:

“10. Tổ chức tiếp nhận hoặc ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở được quy định tại khoản 1, 2, trừ các đối tượng thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định pháp luật.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 7 vào Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Quản lý cơ sở sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản) có Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Quản lý cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và động vật khác (bao gồm cả phương tiện vận chuyển động vật sống đưa vào cơ sở giết mổ và phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật sau khi giết mổ trước khi ra khỏi cơ sở giết mổ).”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 m trở lên và cảng cá.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở được quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều này.”

e) Bổ sung khoản 7 vào Điều 5 như sau:

“7. Tổ chức cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; trừ cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Bếp ăn tập thể: Ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất có quy mô từ 30 suất ăn/lần phục vụ đến dưới 200 suất ăn/lần phục vụ; trong các trường học trung học cơ sở, tiểu học, nhà trẻ, mầm non, nhóm trẻ gia đình có từ 30 cháu trở lên; trong các cơ quan, đơn vị cấp quận, huyện.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tổ chức cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; tiếp nhận hoặc thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở được quy định tại Khoản 1, 2, Điều này theo quy định của pháp luật.”



OH

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 như sau:

“a) Cơ sở chế biến suất ăn sẵn, cửa hàng ăn uống, quán ăn, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, dịch vụ nấu tiệc lưu động không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.”

Điều 2. Bãi bỏ khoản 7 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 và khoản 7 Điều 8 tại Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Giám đốc các sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện và xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPQL - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Ban Quản lý An toàn thực phẩm;
- Các Sở: Y tế, Công Thương, NN&PTNT;
- Công an thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, BQLATTP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Thị Kim Yến

40/